TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN BC** **THÀNH PHỐ THÀNH CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 664/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 08 - 8 -2023
V/v tranh chấp*:"Ly hôn"*.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BC, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lại Phước Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Tuyết Hằng

2. Bà Nguyễn Ngọc Thủy

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Thành -Thư ký Tòa án nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh có bà Vũ Thị Thái – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

-Ngày 08 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện BC, Thành Phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 175/2023/HNST ngày 27 tháng 3 năm 2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 332/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 272/2023/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn*:* Bà Phạm Thị Thanh T, sinh năm 1991;

Cư trú tại: Thôn CSĐ, xã QA, huyện QS, tỉnh QN.

(Có đơn xin vắng mặt).

Bị đơn*:* Ông Nguyễn Duy L, sinh năm 1990;

Cư trú tại: PTH, Phường X, quận Y, Thành phố Hồ Chí Minh. Tạm trú tại số tổ M, ấp N, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 10 tháng 01 năm 2023, bản tự khai, biên bản phiên họp kiểm tra việc giao nộp chứng cứ, tiếp cận, công khai chứng cứ và bản tự khai nguyên đơn bà Phan Thị Thanh Trang trình bày: Bà và ông Nguyễn Duy L chung sống vợ chồng từ năm 2018 và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 205/2018, ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y,Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Thời gian đầu hạnh phúc và có 01 con

chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020, tuy nhiên sau đó phát sinh mâu thuẩn do tính tình và quan điểm sống không phù hợp và ngày càng trầm trọng, mặc dù cả hai đã cố gắng hòa giải nhưng không thành. Ông L không quan tâm lo cho vợ con mặc dù bà đã khuyên bảo nhiều lần nhưng ông L không thay đổi tính tình và bà đã đem con về quê nhà ở QN sống từ năm 2021 đến nay và vợ chồng ly thân đã lâu không ai còn quan tâm đến ai trong thời gian Tòa án giải quyết việc ly hôn.

Nay, bà xác định không còn tình cảm với ông Nguyễn Duy L và cũng không thể hàn gắn tình cảm vợ chồng nên yêu cầu tòa án xử cho bà được ly hôn ông L để bà ổn định cuộc sống riêng bà làm ăn nuôi con. Do ở xa nên bà đã làm đơn đề nghị vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án tại các cấp Tòa án.

Về con chung: Có 01 chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020 hiện nay đang sống cùng bà, nay ly hôn bà đề nghị được trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con:Bà không yêu cầu cấp dưỡng.

Về tài sản chung:Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung:Bà xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

*Bị đơn ông Nguyễn Duy L:*Trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng, thông báo thụ lý vụ án, thông báo về phiên họp và hòa giải,Tòa án đã thực hiện việc tống đạt triệu tập ông L đến Tòa án để giải quyết vụ án, nhưng ông L không đến nên Tòa án tiến hành thủ tục nêm yết xét xử vắng mặt ông L theo quy định pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt và bà xác định vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn cũng như không yêu cầu giải quyết đối với việc cấp dưỡng và tài sản chung. Đề nghị Tòa án xét xử vắng theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Duy L đã được triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm Sát Nhân Dân huyện BC,Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu: Có ý kiến quan điểm về tố tụng và nội dung qua quá trình kiểm sát cụ thể: Việc tuân theo pháp luật tố tụng thẩm phán đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án Thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp cũng như tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng. Việc xác minh thu thập chứng cứ, giao nhận chứng cứ đúng quy định tại các điều từ Điều 93 đến Điều 97 BLTTDS. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng. Đối với nguyên đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, nguyên đơn thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo đúng qui định tại Điều 70, Điều 71 BLTTDS. Đối với bị đơn: Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay, bị đơn chưa thực hiện đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo qui định tại Điều 70, Điều 72 BLTTDS.

Về việc giải quyết vụ án: Nguyên đơn là bà Phạm Thị Thanh T đã nộp đơn khởi kiện "Tranh chấp ly hôn" với bị đơn ông Nguyễn Duy L với nội dung yêu cầu được ly hôn với ông L. Ngày 27/3/2023, Tòa án nhân dân huyện BC thụ lý vụ án hôn nhân gia đình số 175/TB-TLVA. Theo Giấy đăng ký kết hôn số 205/2018, ngày 05/10/2018, tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y, thành phố Hồ Chí Minh có cơ sở xác định quan hệ hôn giữa bà T và ông L là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào lời trình bày của bà T xác định mâu thuẫn vợ chồng xảy ra đã kéo dài, tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn, vợ chồng đã sống ly thân. Mặt khác, quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Duy L không tham gia, không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án, do đó có cơ sở xác định bị đơn không có thiện chí hàn gắn và không có mong muốn đoàn tụ gia đình. Xét thấy, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét yêu cầu của bà Phạm Thị Thanh T xin ly hôn với ông Nguyễn Duy L là có cơ sở để chấp nhận. Về con chung**:** Có 01 con chung là trẻ Nguyễn Ngọc D (sinh ngày 06/01/2020). Khi ly hôn bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng trẻ D, không yêu cầu ông L cấp dưỡng nuôi con. Quá trình giải quyết vụ án, ông L không đến Tòa án làm việc nên không có ý kiến về việc nuôi con, trẻ D còn nhỏ, hiện tại đang sống cùng mẹ. Do đó, có cơ sở giao trẻ Nguyễn Ngọc D cho bà Phạm Thị Thanh T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Duy L.

*Bởi các lẽ nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên***:** Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Phạm Thị Thanh T. Về con chung: Giao trẻ Nguyễn Ngọc D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Nguyễn Duy L. Về án phí bà T chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thẩm quyền giải quyết:

- Xét nguyên đơn bà Phạm Thị Thanh T khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Duy L. Yêu cầu này được luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 điều chỉnh từ Điều 51 đến Điều 58. Xét bị đơn ông Nguyễn Duy L có địa chỉ cư trú tại số tổ M, ấp N, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện BC,Thành phố Hồ Chí Minh.

[2]. Về thủ tục tố tụng:

- Xét yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh T được quy định tại các Điều 51, 53, 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2013. Quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông L có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 205/2018, ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y,Thành phố Hồ Chí

Minh cấp nên là hôn nhân hợp pháp được quy định tại Điều 8, Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Xét bị đơn ông Nguyễn Duy L trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù Tòa án đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án về yêu cầu ly hôn của bà Phạm Thị Thanh T, thông báo về việc mở phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng ông L vẫn không đến Tòa án tham gia trình bày ý kiến trong quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án lập biên bản ghi nhận sự việc và tiến hành niêm yết các thủ tục thông báo về việc xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227, 228, 254 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, do đó Hội đồng xét xử đủ cơ sở tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn ông L theo quy định.

[3]. Về nội dung tranh chấp:

[3.1]. Xét yêu cầu của bà Phạm Thị Thanh T về việc ly hôn với ông Nguyễn Duy L ***là có cơ sở chấp nhận, bởi lẽ***;

- Căn cứ vào đơn khởi kiện và phần trình bày của bà Phạm Thị Thanh T tại bản tự khai, biên bản phiên họp về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và biên bản ghi nhận việc không tiến hành hòa giải được, nhận thấy: Trong thời gian chung sống vợ chồng giữa bà T và ông L đã phát sinh nhiều mâu thuẫn không hòa giải được và mâu thuẫn ngày càng trầm trọng hơn, nguyên nhân do tính tình và quan điểm sống không hợp, ông L không có công việc làm, không chăm lo phụ giúp kinh tế gia đình mặc dù nhiều lần bà T đã khuyên và động viên ông tập trung làm việc lo lắng phụ giúp bà nuôi con nhưng không thành, hiện nay vợ chồng cũng đã ly thân được một thời gian dài và không ai còn quan tâm đến ai như vậy không còn khả năng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Mặc khác trong quá trình giải quyết vụ án ông L mặc dù đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu ly hôn của bà T nhưng ông L vẫn không đến Tòa án chứng tỏ không còn quan tâm hòa giải hàn gắng tình cảm vợ chồng với bà T nữa nên yêu cầu của bà T là có căn cứ phù hợp theo quy định tại các Điều 51, 53, 55, 57 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3.2] Xét về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020 hiện nay đang sống cùng mẹ là bà T. Nay ly hôn bà T tiếp tục đề nghị được trực tiếp nuôi trẻ D. Xét việc nuôi con là quyền và trách nhiệm của cha mẹ, tuy nhiên hiện trẻ còn nhỏ đang được mẹ là bà T chăm sóc nên đề nghị yêu cầu tiếp tục nuôi con là có căn cứ phù hợp thực tế hiện nay và quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

- Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của bà T không yêu cầu giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: bà T xác định không có nợ ai và không cho ai vay nợ.

[3.3] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Căn cứ quy định tại Khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 và Nghị quyết số:326/2016/UBTVQH14, ngày

30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, bà Phạm Thị Thanh T phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0042647, ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC.

[3.4]. Xét đề nghị của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp.

***Vì các lẽ trên*;**

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; khoản 4 Điều 70, Điều 72 Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 254, Điều 269 và Điều 271 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào các Điều 8, 9, 51, 53, 56, 57, 58, 73, 82, 83, 84 và Điều 107 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Căn cứ vào Điều 48 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Căn cứ vào Điều 26 luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử :

- Về quan hệ hôn nhân:Bà Phạm Thị Thanh T được ly hôn với ông Nguyễn Duy L.

Giấy chứng nhận kết hôn số 205/2018, ngày 05 tháng 10 năm 2018 tại Ủy ban nhân dân Phường X, quận Y,Thành phố Hồ Chí Minh cấp không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc D, sinh ngày 06 tháng 01 năm 2020 hiện đang sống với mẹ. Tiếp tục giao trẻ Nguyễn Ngọc D cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng;

- Về cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu giải quyết.

- Vì lợi ích của con chung, bên không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến quyền này. Khi cần thiết một hoặc cả hai bên có thể yêu cầu Tòa án giải quyết thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc quyết định mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

- Về tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Không có.

- Các bên thi hành án tại cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

- Về án phí dân sự sơ thẩm ly hôn: Bà Phạm Thị Thanh T phải nộp án dân sự sơ thẩm là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí

mà bà T đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí,lệ phí Tòa án số AA/2021/0042647, ngày 20 tháng 3 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện BC. Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về quyền kháng cáo: Bà Phạm Thị Thanh T và ông Nguyễn Duy L vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

***Nơi Nhận*:**
- TAND.TP Hồ Chí Minh;
- VKSND H. BC;
- UBND P4, quận 8, Tp HCM;
- CCTHA DS H. BC;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

Lại Phước Trường